

PHẦN 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

CHƯƠNG V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu:

- a) Tên hạng mục: Quan trắc chất lượng nguồn nước mặt.
- b) Tên gói thầu : Quan trắc chất lượng nguồn nước mặt.
- c) Phạm vi dự án: Hệ thống thủy lợi kênh Đông Củ Chi, hệ thống thủy lợi Hóc Môn – Bắc Bình Chánh.

II. Mục tiêu công việc:

1. Quan trắc diễn biến chất lượng nước mặt trên khu vực làm cơ sở cho việc vận hành công trình hiệu quả, hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại có thể xảy ra.

2. Có chuỗi số liệu liên tục trong nhiều năm để đánh giá tình hình diễn biến chất lượng nước mặt trên khu vực.

3. Xác định diễn biến, mức độ, đề xuất biện pháp ngăn chặn, bảo vệ chất lượng nước mặt phục vụ bền vững sản xuất và đời sống nhân dân.

4. Làm cơ sở để đề xuất các cơ quan chuyên ngành xử lý các trường hợp vi phạm, bảo đảm công trình phục vụ sản xuất an toàn, hiệu quả.

III. Yêu cầu kỹ thuật của gói thầu :

1. Vị trí quan trắc:

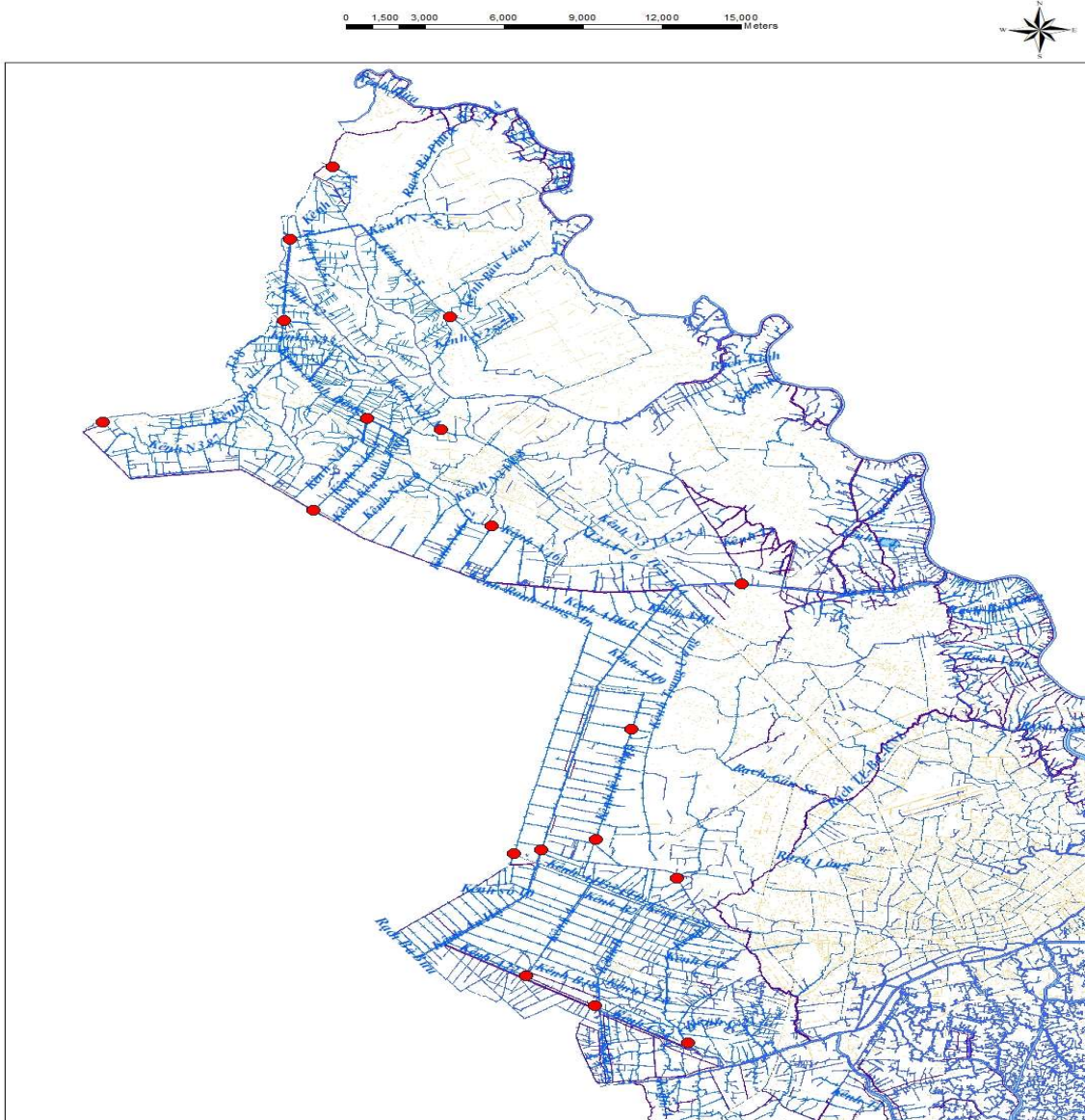
Tập trung trên các kênh trực chính thuộc hệ thống thủy lợi kênh Đông (Kênh Chính Đông, N46, N31A, N38A, N23A, N25), hệ thống công trình thủy lợi Hóc Môn – Bắc Bình Chánh (Kênh Thầy Cai, Kênh An Hạ, kênh A, kênh B, kênh C, kênh AH-KC, kênh Ranh Long An, Kênh Liên Vùng).

Tổng số vị trí quan trắc: **18** điểm; trong đó:

Khu vực kênh	Vị trí quan trắc	Số lượng mẫu quan trắc
I	Hệ thống thủy lợi Kênh Đông	

Khu vực kênh		Vị trí quan trắc		Số lượng mẫu quan trắc
1	Kênh Chính Đông	1	Vị trí K34	16
2	Kênh N23A	2	Cầu qua đường Trung Lập	16
3	Kênh N25A	3	Vị trí K8 kênh N25A	16
4	Kênh N31A	4	Vị trí K0 kênh N31A	16
		5	Vị trí K8 kênh N31A	16
5	Kênh N46	6	Vị trí K0 kênh N46	16
		7	Cầu qua đường Lê Minh Nhật	16
II. Hệ thống thủy lợi Hóc Môn – Bắc Bình Chánh				
1	Kênh T38	8	Cống đầu kênh T38	16
2	Kênh Thầy Cai	99	Cách cống TC2-6 khoảng 200m	16
3	Kênh Rạch Tra	10	Cách cầu An Hạ 2,5km về phía Rạch Tra	16
4	Kênh An Hạ	11	Cống T1	16
5	Kênh Ranh Long An	12	Tại cống cuối kênh Ranh Long An	16
6	Kênh Liên Vùng	13	Tại cống đầu kênh NT8 trên kênh Liên Vùng	16

Khu vực kênh		Vị trí quan trắc		Số lượng mẫu quan trắc
		14	Cống cuối kênh Liên Vùng	16
7	Kênh AH-KC	15	Tiếp giáp rạch Cầu Suối	16
8	Kênh A	16	Tại cống cuối Kênh A	16
9	Kênh B	17	Tại cống cuối Kênh B	16
10	Kênh C	18	Tại cống cuối Kênh C	16



Sơ đồ các vị trí quan trắc chất lượng nước mặt công trình thủy lợi

2. Số lượng mẫu: Tổng số mẫu quan trắc: 288 mẫu.

3. Phương pháp quan trắc

- Lấy mẫu về phân tích tại phòng thí nghiệm: mẫu nước được phân tích tại phòng thí nghiệm có Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường, đảm bảo kỹ thuật quan trắc môi trường theo quy định tại Thông tư số 10/2021/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về quy định kỹ thuật quan trắc môi trường và quản lý thông tin, dữ liệu quan trắc chất lượng môi trường.

- Thời gian lấy mẫu: Sau khi nước ròng từ 1-2 giờ.

- Tại phòng thí nghiệm: phân tích 13 thông số/01 mẫu, cụ thể: nhiệt độ, pH, DO (Oxy hòa tan), COD (Nhu cầu oxy hóa học), BOD₅ (Nhu cầu oxy sinh hóa), TSS (Tổng chất rắn lơ lửng), NH₄⁺ (Amoni), NO₂⁻ (Nitrit), TP (Tổng Phosphor), Coliform, E. Coli, Pb (Chì) và Zn (Kẽm).

4. Phân tích đánh giá diễn biến chất lượng nước

- Phân tích, xử lý số liệu quan trắc chất lượng nước trong từng tháng. Tập trung các thông số chất lượng nước quan trọng như: pH, DO, COD, BOD₅, TSS, Amoni, Nitrit, Tổng Phosphor, kim loại nặng, Coliform, E. Coli, ...

- Trên cơ sở kết quả phân tích các thông số chất lượng nước, so sánh với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt QCVN 08:2023/BTNMT, đánh giá diễn biến chất lượng nước (tăng, giảm) qua các tháng trong quý, trong năm... có biểu đồ so sánh.

- Trên cơ sở kết quả phân tích các thông số chất lượng nước, tính toán các giá trị WQI thông số, giá trị chỉ số chất lượng nước (WQI), so sánh, đánh giá chất lượng nước theo mục đích sử dụng, cảnh báo những vị trí chất lượng nước không đảm bảo phục vụ cho các mục đích tưới tiêu, nông nghiệp, công nghiệp, sinh hoạt...

5. Chế độ báo cáo

a) Báo cáo nhanh

- Số lượng báo cáo: 12 báo cáo.

- Thực hiện định kỳ 01 lần/tháng sau khi có kết quả phân tích chất lượng nước.

- Nội dung báo cáo: Tổng hợp số liệu thực đo tại các vị trí quan trắc, đánh giá diễn biến và chỉ số chất lượng nước mặt (WQI) trên các tuyến kênh, rạch chính của hệ thống thủy lợi trong tháng. Trên cơ sở đó, so sánh, đánh giá chất lượng nguồn nước theo mục đích sử dụng, cảnh báo những vị trí chất lượng nước không đảm bảo phục vụ cho các mục đích tưới tiêu, nông nghiệp, công nghiệp, sinh hoạt...

b) Báo cáo tổng kết năm

- Số lượng báo cáo: 01 báo cáo.

- Thực hiện sau khi kết thúc 12 tháng đo đạc, quan trắc chất lượng nước hệ thống thủy lợi.

- Nội dung báo cáo:

+ Tổng hợp số liệu thực đo tại các vị trí quan trắc, đánh giá tình hình, diễn biến chất lượng nước mặt trên các tuyến kênh, rạch chính của hệ thống thủy lợi trong 12 tháng và có biểu đồ so sánh.

+ Tiến hành đánh giá, so sánh, phân tích sau mỗi biểu đồ biểu diễn chỉ tiêu chất lượng nước của từng kênh trục chính, tổng hợp nhận xét xu hướng tăng giảm ô nhiễm giữa các tháng trong năm, và so sánh đánh giá với năm trước.

+ Tiến hành tính toán chỉ số chất lượng nước mặt (WQI) trên các tuyến kênh, rạch chính của hệ thống thủy lợi; trên cơ sở đó, so sánh, đánh giá chất lượng nguồn nước theo mục đích sử dụng, cảnh báo những vị trí chất lượng nước không đảm bảo phục vụ cho các mục đích tưới tiêu, nông nghiệp, công nghiệp, sinh hoạt...

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện: 12 tháng.

2. Đơn vị thực hiện: Chi cục Thủy lợi Thành phố Hồ Chí Minh chủ trì, phối hợp đơn vị có đủ năng lực (đơn vị trúng thầu) thực hiện./.